ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 233 /QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 25 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương này 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1) tại Biên bản phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định (Hội đồng họp vào ngày 18 tháng 12 năm 2021);

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 1703/BQLDANN-KHTH ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 322/TTr-STNMT ngày 24 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, thực hiện tại huyện Cai Lậy và huyện

Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án..

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Trọng

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)

(Kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1).

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang.

- Địa điểm xây dựng: Tại xã Tam Bình thuộc huyện Cai Lậy và xã Phú Phong, Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Quy mô/công suất: Diện tích 127.190 ha.

- Quy trình/công nghệ thi công:

+ Quy trình thi công cống: Định vị các tuyến → Thi công đóng cừ thép tạo khung vây → Nạo vét trong khung vây → Thi công lớp bê tông bản đáy → Thi công kết cấu bê tông cốt thép cống tới cao trình +3,0m (trụ pin, dầm đáy cống) → Tháo dỡ khung vây cừ thép → Thi công mang cống → Thi công kết cấu bê tông cốt thép cống từ cao trình +3,0m trở lên (tháp kéo van, cầu công tác, cầu giao thông) → Thi công gia cố thượng, hạ lưu → Lắp đặt cửa van và hệ thống đóng mở cửa van, hệ thống điều khiển giám sát, thông tin liên lạc, chiếu sáng.

+ Quy trình thi công đê: Định vị các tuyến → Bóc bỏ lớp phủ bề mặt → Bóc lớp đất bề mặt đắp ra 02 bên → Đầm nén → Đổ cát đến cao trình thiết kế → Đầm nén theo yêu cầu thiết kế → Đan và rải sắt bề mặt đê → Đổ bê tông theo thiết kế → Tưới nước và dưỡng bêtông.

- Các hạng mục công trình chính: 06 cống ngăn mặn và tuyến đê kết hợp giao thông:

+ Cống Rạch Gầm: Khẩu độ cống B = 50m (02 khoang, mỗi khoang rộng 25m), cao trình ngưỡng cống -5,5m, cao trình đỉnh trụ pin +3,0, 02 bộ cửa đóng mở bằng xi lanh thủy lực; trên cống có các cầu công tác (Bề rộng mặt cầu 2,5m, cao trình đáy dầm cầu tại vị trí thông thuyền +6,2m).

+ Cống Phú Phong: Khẩu độ cống B = 50m (02 khoang, mỗi khoang rộng 25m), cao trình ngưỡng cống -5,5m, cao trình đỉnh trụ pin +3,0, 02 bộ cửa đóng mở bằng xi lanh thủy lực; trên cống có cầu công tác (Bề rộng mặt cầu 2,5m, cao trình đáy dầm cầu tại vị trí thông thuyền +4,3m); nhà quản lý và điều hành diện tích 358m^2.

+ Cống Mù U: Khẩu độ cống B = 20m (01 khoang), cao trình ngưỡng cống -4,5m, cao trình đỉnh trụ pin +3,0, 01 bộ cửa (dạng cửa van thẳng kéo thẳng đứng, đóng mở bằng xi lanh thủy lực); trên cống có cầu công tác (Bề rộng mặt cầu 2,5m, cao trình đáy dầm cầu tại vị trí thông thuyền +4,6m).

+ Cống Cây Còng: Khẩu độ cống B = 10m (01 khoang), cao trình ngưỡng cống -3,0m, cao trình đỉnh trụ pin +3,0, 01 bộ cửa (dạng cửa van thẳng kéo thẳng đứng, đóng mở bằng xi lanh thủy lực); trên cống có cầu công tác (Bề rộng mặt cầu 2,5m, cao trình đáy dầm cầu tại vị trí thông thuyền +3,6m).

+ Cống Hai Tân: Khẩu độ cống B = 10m (01 khoang), cao trình ngưỡng cống -3,0m, cao trình đỉnh trụ pin +3,0, 01 bộ cửa (dạng cửa van thẳng kéo thẳng đứng, đóng mở bằng xi lanh thủy lực); trên cống có cầu giao thông tải trọng 0,5HL93 (Bề rộng mặt cầu 5,5m, cao trình đáy dầm cầu tại vị trí thông thuyền +3,6m).

+ Cống Cái Sơn: Khẩu độ cống B = 10m (01 khoang), cao trình ngưỡng cống -2,5m, cao trình đỉnh trụ pin +3,0, 01 bộ cửa (dạng cửa van thẳng kéo thẳng đứng, đóng mở bằng xi lanh thủy lực); trên cống có cầu giao thông tải trọng 0,5HL93 (Bề rộng mặt cầu 5,5m, cao trình đáy dầm cầu tại vị trí thông thuyền +3,6m).

+ Tuyến đê kết hợp giao thông: Tổng chiều dài 10,212km, cao trình đỉnh đê +2,50m, bề rộng nền đê từ 4,5m đến 6m, gồm 02 đoạn: Đoạn 1: Phú Phong đến Mù U (dài 6.436m: Điểm đầu kết nối với đường nhựa hiện trạng tại vị trí nhà văn hoá xã Phú Phong; điểm cuối là điểm giao cắt với đường Đường tỉnh 864). Đoạn 2: Mù U đến Đường tỉnh 868 (dài 3.776m: Điểm đầu là điểm giao cắt với tuyến Đường tỉnh 864 (cách vị trí cuối đoạn 1 khoảng 400m); điểm cuối là điểm giao cắt với đường tỉnh 868).

- Số công trường thi công của dự án là 08 công trường, trong đó: 06 công trường thi công xây dựng 06 cống, 02 công trường thi công tuyến đê.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống an toàn giao thông và các công trình trên tuyến: Biển báo, vạch kẻ đường, đèn tín hiệu, hệ thống chiếu sáng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác (hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, cáp quang,…).

- Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Tại mỗi công trường bố trí nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt, thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, thùng chứa chất thải rắn xây dựng, thùng chứa chất thải nguy hại.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

a) Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

+ Bụi, khí thải từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng, từ máy móc và phương tiện vận chuyển.

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân.

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ công trình, sinh khối thực vật từ quá trình phát quang.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi từ hoạt động đào đắp.

+ Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, hoạt động của máy móc, thiết bị, hoạt động xây dựng.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng, đất đào bóc từ quá trình thi công.

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành cống.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng công trình.

b) Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân: Tổng lưu lượng khoảng 1,5m^3/ngày; thông số ô nhiễm của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform..

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Tổng lưu lượng khoảng 35 m^3/ngày; thông số ô nhiễm của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.

+ Nước thải xây dựng: Phát sinh từ hoạt động rửa trang thiết bị, máy móc. Lưu lượng phát sinh khoảng 18m^3/ngày; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt,...

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành cống, tổng lượng khoảng 0,58m^3/ngày; thông số ô nhiễm của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliform.

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng: Bụi, khí thải từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng, từ máy móc thi công và phương tiện vận chuyển có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, SO_2, NO_x, CO, VOC, …

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bụi từ hoạt động đào đắp: Nồng độ khoảng từ 0,002 mg/m^3 đến 0,004 mg/m^3.

+ Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, hoạt động của máy móc, thiết bị, hoạt động xây dựng có chứa các thông số ô nhiễm gồm: Bụi, SO_2, NO_x, CO, VOC,…

- Giai đoạn vận hành:

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO_2, NO_x, CO,…

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng khoảng từ 6 kg đến 8 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì thải, vỏ chai,...

+ Chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ công trình: Tổng khối lượng khoảng từ 600 tấn đến 800 tấn; thành phần chủ yếu là gạch vụn, sắt, gỗ,…

+ Sinh khối thực vật từ quá trình phát quang: Tổng khối lượng khoảng từ 12 tấn đến 16 tấn; thành phần chủ yếu là cây cối, cỏ dại,...

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Tổng khối lượng khoảng từ 15 kg đến 20 kg/ngày (8 công trường); thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, giấy vụn, bao bì thải, vỏ chai,...

+ Chất thải rắn xây dựng: Tổng khối lượng phát sinh khoảng: 30 kg/ngày đến 50kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: Đất đá, gạch, xi măng, sắt thép vụn, bao bì thải,…

+ Đất đào bóc từ quá trình thi công phát sinh với khối lượng khoảng: 196.165m^3.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân vận hành cống, khối lượng khoảng 1,6 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, giấy vụn, bao bì thải, vỏ chai,...

đ) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 40kg - 48kg/tháng; thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau thấm dầu nhớt,...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh trong quá trình sửa chữa, duy tu các cống (thay cửa cống, xử lý rỉ,..), khối lượng khoảng 39 kg đến 51kg/năm; thành phần

chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, sắt rỉ,...

3. **Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng: Nước thải sinh hoạt, bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại mỗi công trường để thu gom, xử lý. Khi bể tự hoại đầy sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí khoảng 02 nhà vệ sinh di động tại mỗi công trường để thu gom, xử lý. Khi bể tự hoại đầy sẽ thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định hiện hành.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải từ quá trình rửa trang thiết bị, máy móc tại mỗi công trường được thu gom vào rãnh thu gom thể tích 1,5m^3 (kích thước: dài 3m, rộng 1m, sâu 0,5m), để lắng chất rắn lơ lửng thu gom dầu mỡ khoáng, sau đó thải vào nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý bằng 01 bể tự hoại 05 ngăn Bastaf, thể tích 5,6 m^3 tại nhà quản lý vận hành ở cống Phú Phong. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn Bastaf sẽ thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2).

b) Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng: Bụi, khí thải từ phát quang, giải phóng mặt bằng, từ máy móc thi công và phương tiện vận chuyển: Được nêu tại khoản (1) điểm b mục 3.1.4.1 của Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ hoạt động đào đắp, san lắp mặt bằng, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, hoạt động của máy móc, thiết bị, hoạt động xây dựng: Được nêu tại khoản (2) điểm b mục 3.1.4.1 của Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn từ quá trình tháo dỡ công trình, sinh khối thực vật được thu gom và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo

quy định.

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Đất đào bóc từ quá trình thi công được tận dụng để san lấp tại công trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân định, phân loại và phối hợp đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Trang bị dụng cụ thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định. Thực hiện quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Thực hiện quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Giai đoạn thi công xây dựng dự án: Được nêu tại mục 3.1.4.2 chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố

- Giai đoạn thi công xây dựng: Biện pháp phòng ngừa ứng phó các sự cố: sự cố sạt lở, lún sụt; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, sự cố về ngộ độc thực phẩm: Được nêu tại mục 3.1.4.3 Chương 3 của báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Giai đoạn vận hành: Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố được trình bày tại mục 3.2.2.3 của Chương 3 trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình
1	16 nhà vệ sinh di động
	01 bể tự hoại 05 ngăn Bastaf, thể tích 5,6 m^3
2	Thùng thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt
3	Thùng thu gom, lưu chứa chất thải rắn xây dựng
4	Thùng thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát nước thải xây dựng:

+ Vị trí giám sát: 06 vị trí sau 06 rãnh thu gom trước khi thải vào kênh thủy lợi.

+ Thông số giám sát: Chất rắn lơ lửng, COD, tổng Nitơ, tổng Photpho, Coliform, dầu mỡ khoáng.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B.

- Giám sát chất thải rắn:

+ Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong thi công.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 08 vị trí tại 08 công trường thi công.

+ Thông số giám sát: Bụi, SO_2, NOx, CO, độ ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Giám sát chất lượng nước mặt:

+ Vị trí giám sát: 06 vị trí 06 công trường thi công cống.

+ Thông số giám sát: pH, độ mặn, DO, COD, BOD_5, TSS, NO_2^-, NO_3^-,

Tổng Nitơ Dầu mỡ và coliform.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1 (nước dùng cho tưới, tiêu thủy lợi hoặc các mục đích khác).

b) Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải sinh hoạt:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra của bể tự hoại 05 ngăn Bastaf thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: pH, TSS, BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni, Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

Tần suất: 03 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K = 1,2).

- Giám sát chất lượng nước mặt:

+ Vị trí giám sát: 06 vị trí (phía trong cống, cách cống khoảng từ 10m - 30m).

+ Thông số giám sát: pH, độ mặn, DO, COD, BOD_5, TSS, NO_2^-, NO_3^-, Tổng Nitơ và coliform.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (hoặc 01 tháng/lần trong thời gian đóng cống khi mặn xâm nhập).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1 (nước dùng cho tưới, tiêu thủy lợi hoặc các mục đích khác).

- Giám sát chất thải rắn:

+ Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần chất thải, phân loại.

+ Vị trí giám sát: tại khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và khu lưu trữ chất thải nguy hại.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện công tác thu hồi đất của các hộ dân, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình, đất và hoa màu theo quy định pháp luật.

- Lập kế hoạch thi công xây dựng hợp lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất xung quanh khu vực dự án.

- Quá trình thi công xây dựng có phương án hợp lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy, đường bộ.

- Thiết kế và vận hành các công trình đảm bảo không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng nước và hoạt động sản xuất khu vực dự án./.